

BÁO CÁO

Kết quả xếp loại các đơn vị theo Bộ Chỉ số phục vụ người dân,
doanh nghiệp (Quyết định số 766/QĐ-TTg) Tháng 01 - Tuần 2

Thực hiện Công văn số 124/UBND-TH ngày 13/02/2023 của UBND tỉnh An Giang về việc giao chỉ tiêu triển khai thực hiện một số nội dung trong hoạt động KSTTHC, CCTTHC tại Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 và Nghị quyết số 01/NQ-CP.

Thực hiện Công văn số 308/UBND-TH ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh An Giang về việc đôn đốc thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định số 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện Công văn số 1029/UBND-TH ngày 09/8/2023 của UBND tỉnh An Giang về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 933/QĐ-TTg ngày 06/8/2023.

Văn phòng HĐND và UBND huyện Phú Tân báo cáo kết quả Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong Tuần 2 - **tháng 01 năm 2024** như sau:

1. Tổng số điểm huyện đạt: **78.59/100** điểm, xếp hạng 01/11 huyện, thị xã, thành phố, xếp loại "**KHÁ**" so với thang điểm được quy định tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử. Qua đó, báo cáo thống kê kết quả xếp loại của các đơn vị, địa phương (**đính kèm Phụ lục 1**).

2. Văn phòng HĐND và UBND huyện đề nghị:

2.1 Thủ trưởng các đơn vị, địa phương tiếp tục chỉ đạo thực hiện rà soát các tiêu chí của Bộ chỉ số và chấn chỉnh, thực hiện tốt các tiêu chí theo quy định. Đảm bảo 100% hồ sơ tiếp nhận thực tế trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Cụ thể đối với từng nhóm chỉ số thành phần như sau:

- **Tiến độ giải quyết, số hóa hồ sơ, dịch vụ công trực tuyến:** Các đơn vị cần thường xuyên theo dõi và đôn đốc công chức thực hiện đảm bảo theo quy định.

- **Thanh toán trực tuyến:** Các đơn vị cần tiếp tục duy trì và đẩy mạnh đối với các đơn vị như: Phú Thành, Phú Thọ, Phú Mỹ và Bộ phận Một cửa huyện.

- **Mức độ hài lòng:** Các đơn vị đạt trên cơ sở các tiêu chí: tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị; sự hài lòng trong tiếp nhận và giải quyết TTHC của các đơn vị, địa phương.

2.2 Bộ phận Một cửa huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện rà soát đầy mạnh triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, thanh toán trực tuyến phí, lệ phí các lĩnh vực và nghĩa vụ tài chính lĩnh vực Đất đai. Đôn đốc các ngành liên quan thực hiện thủ tục hành chính đảm bảo thời gian theo quy định.

2.3 Phòng Văn hóa – Thông tin

Thực hiện công bố, công khai kết quả xếp loại của các địa phương theo Quyết định số 766/QĐ-TTg trên Cổng thông tin điện tử của huyện.

Chủ trì, phối hợp với văn phòng HĐND và UBND huyện, các đơn vị liên quan thường xuyên rà soát và nhắc nhở, đôn đốc thực hiện chỉ số Công khai minh bạch, tiến độ giải quyết TTHC, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ của các đơn vị. Đồng thời, tham mưu UBND kiến nghị Sở Thông tin và Truyền thông tích hợp trạng thái của Cổng dịch vụ công Quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

2.4 Phòng Tư pháp

Theo dõi và đôn đốc các đơn vị thực hiện Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.

Trên đây là kết quả thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện Phú Tân./.

Nơi nhận:

- TT UBND huyện;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Các phòng chuyên môn huyện;
- Cổng TTĐT huyện;
- Bộ phận Một cửa huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT. *ngc*

CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Quốc Châu

BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC,
(Thời gian chốt số liệu: Ngày 08/01/2024)



| STT | ĐƠN VỊ | ĐIỂM TỔNG HỢP (TUẦN 2/T01) | XẾP LOẠI | CÔNG KHAI, MINH BẠCH (%) | TIỀN ĐỘ GIẢI QUYẾT (%) | DỊCH VỤ CÔNG TT | | SỐ HÓA HỒ SƠ | |
|-----|-------------------|----------------------------|------------|--------------------------|------------------------|---------------------------|---|-------------------------------|----------------------------|
| | | | | | | DVCTT (Chỉ tiêu trên 50%) | THANH TOÁN TRỰC TUYẾN (Chỉ tiêu trên 30%) | SỐ HÓA HỒ SƠ (từ 80% trở lên) | CHỨNG THỰC ĐIỆN TỬ (19/19) |
| | TOÀN HUYỆN | 78.59 | KHÁ | 70.7 | 91.2 | 73.2 | 45.69 | <u>68.40</u> | 0 |
| 1 | BÌNH THẠNH ĐÔNG | 88.3 | TỐT | 100 | 98.9 | 97.8 | 88.89 | 81.60 | 0 |
| 2 | PHÚ BÌNH | 88.15 | TỐT | 100 | 97.14 | 98.5 | 91.18 | 81.40 | 0 |
| 3 | CHỢ VÀM | 88.06 | TỐT | 100 | 95.65 | 100 | 100 | 81.50 | 0 |
| 4 | PHÚ THÀNH | 86.79 | TỐT | 97.4 | 97.44 | 60.5 | 57.14 | <u>78.00</u> | 0 |
| 5 | PHÚ LÂM | 85.32 | TỐT | 87.1 | 92.86 | 96.3 | 89.29 | 82.10 | 0 |
| 6 | PHÚ HIỆP | 84.67 | TỐT | 100 | 93.1 | 75 | 76.19 | <u>72.20</u> | 0 |
| 7 | LONG HÒA | 83.19 | TỐT | 71.4 | 100 | 77.1 | 74.29 | 81.40 | 0 |
| 8 | HÒA LẠC | 82.37 | TỐT | 70.6 | 96 | 95.8 | 82.14 | 80.20 | 0 |
| 9 | PHÚ THẠNH | 81.34 | TỐT | 72.9 | 92.86 | 88.9 | 92 | <u>75.10</u> | 0 |
| 10 | PHÚ XUÂN | 81.27 | TỐT | 79.2 | 82.61 | 89.5 | 93.33 | 82.00 | 0 |
| 11 | PHÚ LONG | 75.03 | KHÁ | 33.3 | 100 | 100 | 100 | 82.00 | 0 |
| 12 | HIỆP XƯƠNG | 78.94 | KHÁ | 52.2 | 95.83 | 91.7 | 91.3 | <u>79.60</u> | 0 |
| 13 | PHÚ AN | 78.34 | KHÁ | 61.3 | 87.5 | 91.3 | 93.33 | 81.10 | 0 |
| 14 | TÂN HÒA | 76.27 | KHÁ | 85.9 | 62.35 | 63.6 | 90.48 | <u>78.30</u> | 0 |
| 15 | PHÚ HÙNG | 76.16 | KHÁ | 40.3 | 100 | 87 | 85.19 | 82.10 | 0 |
| 16 | PHÚ MỸ | 76.14 | KHÁ | 44.7 | 90.48 | 100 | 79.03 | 82.00 | 0 |
| 17 | TÂN TRUNG | 71.91 | KHÁ | 23.1 | 100 | 100 | 80 | 82.00 | 0 |
| 18 | PHÚ THỌ | 69.8 | TRUNG BÌNH | 38.6 | 98.26 | 72.7 | 76.92 | <u>76.50</u> | 0 |